

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HS-ST

Ngày : 01/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tuấn

Ông Vũ Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – T ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 và 01 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN QUANG L, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1981, tại Phú Yên; Nơi đăng ký thường trú: số 28/8 đường Phạm Văn C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Giám đốc; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Long X và bà Diệp Thị Đ; có vợ: Đỗ Thị Thái H và 02 con: lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/7/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/9/2022. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

2. NGUYỄN THỊ MINH T, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1985, tại Phú Yên; Nơi đăng ký thường trú: Số nhà 252/42 đường Phạm Văn C, Phường A1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Long X và bà Diệp Thị Đ; Chồng: không; Con 01 người, sinh năm 2013; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/7/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/9/2022. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

3. NGUYỄN KHÁNH D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998, tại Bạc Liêu; Nơi đăng ký thường trú: ấp Tà K, xã E, huyện F, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Số nhà 28/8 đường Phạm Văn C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không rõ và bà Nguyễn Thị O; vợ, con: không có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/7/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/9/2022. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

4. TÔNG HẢI Đ, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1997, tại Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: khóm Biển D, phường R, thị xã O, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số nhà 28/8 đường Phạm Văn C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tông Văn Chia và bà Dương Thị Tỏi; vợ, con: không có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/7/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/9/2022. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

5. TÔNG Đăng H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2001, tại Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: khóm Biển Dưới, phường R, thị xã O, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số nhà 28/8 đường Phạm Văn C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nhân viên; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tông Văn C và bà Dương Thị T; vợ, con: không có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/7/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/9/2022. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

6. BÙI THANH T1, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1994, tại Bắc Kạn; Nơi đăng ký thường trú: thôn 4, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú: Số nhà 28/8 đường Phạm Văn C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nhân viên; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn T và bà Dương Thị C; vợ, con: không có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/7/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/9/2022. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

7. LƯƠNG QUỐC T2, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1998, tại Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký thường trú: thôn Quảng T, xã I, huyện Đăk K, tỉnh Đăk Nông; Nơi cư trú: Số nhà 28/8 đường Phạm Văn C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nhân viên; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương X và bà Huỳnh Thị N; vợ, con: không có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/7/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/9/2022. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

8. NGUYỄN HOÀNG D1, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1995, tại Hậu Giang; Nơi đăng ký thường trú: ấp 8, xã R, huyện S, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: Số nhà 540/3 đường Cây T, Phường A1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nhân viên; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim C; có vợ: Nguyễn Thị Bé T và 02 con: lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 14/7/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/9/2022. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

- *Bị hại*: Công ty Cổ phần T, địa chỉ: số L16-01 Lầu 6 Tòa nhà V, số 72 đường Lê Thánh T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn Phòng đại diện: số 55 đường Trần Quốc H, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến D2, sinh năm 1973, nơi cư trú: số 17 đường Huỳnh Lan K, Phường I1, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Công ty TNHH Thương mại xây dựng V, địa chỉ: số 207/19 đường số 8, phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984, nơi cư trú: Số 31 đường 3B khu dân cư V, phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

2. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1974, nơi cư trú: số 17 đường Huỳnh Lan K, Phường I1, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

3. Ông Phùng Tiến Đ1, sinh năm 1998, nơi cư trú: số 17 đường Huỳnh Lan K, Phường I1, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

4. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1982, nơi cư trú: số 28/3P ấp Tam Đ, xã S, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/5/2022, ông Phùng Tiến D2 (Giám đốc Công ty Cổ phần XNK A) ký Hợp đồng bán 01 xe ô tô hiệu Ford Everest màu đen biển số 30G – 016.32 là tài sản của Công ty Cổ phần XNK A cho Nguyễn Quang L, Giám đốc Công ty TNHH Q với giá 820.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trả tiền theo 03 đợt (do hiện Công ty đang thế chấp ô tô hiệu Ford Everest màu đen biển số 30G-016.32 này tại Ngân hàng P – Chi nhánh Hà Nội và ngân hàng đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe). Để thực hiện hợp đồng, Nguyễn Thị Minh T kế toán của Công ty Quang Lượng Phát đồng thời là em gái của Nguyễn Quang L đã thanh toán cho Công ty Cổ phần XNK A thông qua ông D2 số tiền 760.000.000 đồng và Công ty Cổ phần XNK A (ông D2) đã giao xe cho L và thỏa thuận trong thời gian 7 ngày sẽ giải ngân tại Ngân hàng lấy Giấy chứng nhận xe để hoàn tất Hợp đồng mua bán giữa Công ty Cổ phần XNK A và Công ty TNHH Q. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền ông D2 không thực hiện giải chấp tại ngân hàng để lấy giấy tờ xe về như cam kết mà đem tiêu xài cá nhân hết, đồng thời nhiều lần hứa hẹn, cam kết trả lại số tiền 760.000.000 đồng cho L nhưng vẫn không thực hiện làm cho Công ty của L rơi vào tình trạng khó khăn và mất uy tín với khách hàng (sau khi nhận xe L cũng bán cho người khác nhưng do D2 không làm giấy tờ nên khách hàng trả lại xe và L phải bồi thường).

Sau hơn 02 tháng, qua nhiều lần trao đổi, nhưng ông D2 không thực hiện lấy giấy tờ xe về, không trả lại tiền và cũng không giao tài sản để đảm bảo như cam kết nên L yêu cầu T hoàn tất hồ sơ để khởi kiện dân sự đối với việc vi phạm hợp đồng của ông D2 tại Tòa án nhân dân quận X.

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 14/7/2022, Nguyễn Thị Minh T nói với TÔNG HẢI Đ là nhân viên công ty lấy xe ô tô hiệu Hyundai Santafe biển số 51G – 151.36 chở T đến Tòa án nhân dân quận X để hỏi thủ tục nộp đơn khởi kiện dân sự đối với ông D2. Tuy nhiên theo tư vấn của Luật sư, nhận thấy việc khởi kiện dân sự có thể sẽ kéo dài làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của công ty nên T không vào Tòa án mà kêu Tông Hải Đ chở đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T tại địa chỉ số 55 Trần Quốc H, Phường I, quận K để trực tiếp gặp ông D2 và bà L (vợ ông D2) đòi lại tiền, đồng thời trên đường đi T điện thoại nói cho L biết là không vào Tòa án nộp đơn khởi kiện mà sẽ đến Văn phòng của ông D2 để gặp ông D2, bà L đòi lại tiền.

Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang ngồi trên xe ô tô dừng trước Văn phòng Công ty của ông D2 thì T nhìn thấy ông D2 mở cửa đi từ trong nhà ra

nên T cùng Đ đi vào Văn phòng gặp và yêu cầu ông D2 trả lại tiền, nhưng ông D2 trả lời không có và tiếp tục hẹn tuần sau giải quyết, ngay lúc đó bà L1 cũng đi đến nói với ông D2 đi trước rồi bà về nhà để chuẩn bị đi Hà Nội. T không đồng ý cách giải quyết của ông D2, bà L1 nên đã nói với ông D2 nếu không trả lại số tiền 760.000.000 đồng thì T sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty của L cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền sẽ trả lại tài sản. Ông D2 nghe T nói như vậy nhưng không trả lời mà bỏ đi. Sau khi ông D2 đi, T và Đ ngồi lại Văn phòng khoảng 15 phút sau thì thấy Tống Đăng H điều khiển xe ô tô biển số 51G – 285.41 chở Nguyễn Quang L, Nguyễn Hoàng D1, Nguyễn Khánh D, Bùi Thanh T1 và Lương Quốc T2 đến. Tại đây, T kể lại với L là đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền, ông D2 không trả và hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi”. Việc T nói với L nội dung “đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền nhưng ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi” có tất cả mọi người gồm Đ, H, D, D1, T1 và T2 đều nghe.

Đối với Nguyễn Quang L sau khi nhận được điện thoại của T và nghe T nói sẽ đến Văn phòng của ông D2 gặp trực tiếp ông D2 để đòi lại tiền, do lo cho em gái của mình nên L đã nhờ nhân viên của mình là Tống Đăng H lấy xe ô tô hiệu Ford Xplorer biển số 51G – 285.41 chở L đến Văn phòng ông Dũng, khi L đi thì có 04 nhân viên là Nguyễn Hoàng D1, Nguyễn Khánh D, Bùi Thanh T1 và Lương Quốc T2 xin đi theo nên L đồng ý. Khi đến nơi thì L và những người đi theo gặp T và Đ, T kể lại việc đã gặp ông D2 nhưng không giải quyết được, ông D2 và bà L bỏ đi. Do bức xúc trước việc vi phạm hợp đồng, vi phạm cam kết của ông D2 và có thể do nghe T nói sẽ lấy tài sản của Văn phòng để gây áp lực buộc ông D2, bà L quay lại giải quyết nên D1 đã đi vào phòng họp tại tầng trệt tháo dây điện 01 máy chiếu hiệu EPSON màu trắng đang gắn trên trần nhà. Lúc này, con trai của D2 là anh Phùng Tiến Đ1 đi từ trên lầu xuống tầng trệt để đóng cửa Văn phòng thì nhìn thấy và hỏi “Các anh làm gì tại đây? Tại sao làm vậy?”, T trả lời đến đòi lại tiền nhưng ông D2 không trả nên lấy tài sản để buộc ông D2 trả lại tiền, anh Đ1 cho biết “ông D2 đã đi Hà Nội, chỉ có anh Đ1 là người thuê văn phòng tại đây”. Đồng thời, anh Đ1 lấy điện thoại di động ra để quay lại. Do đang bức tức và cho rằng anh Đ1 nói không đúng vì T vừa gặp và nói chuyện với ông D2 nên L cự cãi với anh Đ1, đồng thời ngăn cản không cho anh Đ1 sử dụng điện thoại quay phim, trong quá trình giằng co L dùng tay đánh 01 cái vào mặt anh Đ1, Tống Đăng H đứng gần đó cũng xông vào dùng tay đánh 01 cái vào mặt anh Đ1. Anh Đ thấy vậy bỏ đi lên lầu 2 rồi điện thoại nói cho bà L biết sự việc. Sau khi thấy D1 đã tháo dây điện lấy được một máy chiếu mang lên xe ô tô hiệu Hyundai SantaFe biển số 51G – 151.36 để thì Tống Đăng H cũng dùng chân đạp cánh cửa nối với cầu thang làm cửa mở ra, Hiếu cùng với L, Đ, T2, D và T1 đi

lên lầu. Khi thấy mọi người lên lầu thì T sợ nếu cửa cuốn đóng lại thì mọi người sẽ bị nhốt bên trong nên T đã đi đến khu vực bố trí công tắc điện ở tầng trệt dùng tay tắt công tắc cầu giao điện để ngắt điện không cho cửa cuốn đóng lại.

Sau khi lên lầu 2, Đ đứng bên ngoài khu vực cầu thang để cảnh giới, đồng thời gọi điện thoại cho ông D2, nhắn tin đến tài khoản Zalo của bà L1 để yêu cầu ông D2, bà L về trả tiền (nhưng không liên lạc được) còn H, T2, D và T1 lần lượt đi vào trong các phòng tháo gỡ máy móc, cụ thể: H tháo dây điện ra lấy 01 CPU màu đen nhãn hiệu DELUXE ram 8.00 GB; T1 tháo dây điện ra lấy 01 CPU màu đen nhãn hiệu DELUXE ram 8.00 GB; T2 tháo dây điện ra lấy 01 CPU màu đen nhãn hiệu DELL ram 4.00 GB; D tháo dây điện ra lấy 01 máy in hiệu CANON LBP 2900 màu trắng. Tất cả máy móc tháo được H, T2, T1, D đem xuống để tại khu vực cửa ra vào tầng trệt. Lúc này, L cũng đi vào phòng kinh doanh thì nhìn thấy nhân viên kế toán của Văn phòng là bà Lương Thị T, bà Nguyễn Thị Mỹ N và bà Nguyễn Thị L đang ngồi tại bàn, L cho biết “đến đòi nợ ông D2” nhưng ông D2 không trả mà bỏ đi, đồng thời dùng tay hất các tờ tạp chí đang để trên bàn ở giữa phòng rơi xuống đất rồi đi xuống tầng trệt. Tại tầng trệt, T2 tiếp tục đi đến 01 phòng lấy 01 màn hình màu đen 16 in hiệu DELL E1916HV rồi đem ra để tại trước cửa ra vào tầng trệt. Khi nhóm của L chuẩn bị đưa các máy móc thiết bị lấy trước đó ra xe thì bà L1 đến Văn phòng. Bà L1 hỏi lý do tại sao nhóm của L lấy tài sản của Văn Phòng thì L cho bà L1 biết “do ông D2 không trả lại tiền nên lấy tài sản để buộc ông D2 phải trả lại tiền mua xe”. Nghe vậy bà L nói “không có tiền để trả và hẹn 10 ngày sau sẽ đưa Giấy chứng nhận Đ ký xe”, nhưng L không đồng ý nên xảy ra cự cãi giữa 02 bên. L dùng tay đánh bà L1, bà L1 vừa cầm 01 ổ khóa hình chữ U đánh lại nhưng bị L giằng lấy ổ khóa. Cùng lúc, thấy ông D2 đi đến Văn phòng nên L xông đến dùng tay đánh vào mặt của ông D2 01 cái, ông D2 cầm 01 cục đá dùng để kê đồ trong nhà tiến về phía L đánh lại, nhưng bị L giằng co giật lại cục đá nên ông D2 không đánh được L. Khi cả 2 bên đang cãi vã, ẩu đả nhau thì Công an Phường 4, quận Tân Bình đến mời tất cả cùng với vật chứng về trụ sở Công an Phường 4 làm việc.

Quá trình điều tra xác định hành vi của các bị can như sau:

Nguyễn Quang L khai: Do bức xúc việc ông D2 đã nhận 760.000.000đ rồi nhưng không thực hiện đúng hợp đồng, không làm thủ tục giấy tờ xe cho L nên L không bán được xe làm cho công ty lâm vào tình trạng kinh doanh khó khăn, cộng với việc ông D2, bà L1 nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện trả lại tiền, không làm giấy tờ mua bán xe, giao tài sản để bảo đảm như cam kết... nên L đã cùng với các nhân viên của mình đã lấy một số tài sản của Văn phòng ông D2 (trị giá 14.500.000đ) nhằm mục đích gây áp lực buộc ông D2 phải giải quyết dứt điểm theo hợp đồng mua bán xe. Trước khi L và nhân viên của mình tháo gỡ, lấy tài sản L và các nhân viên không có bàn bạc, trao đổi phân công gì, đây chỉ là hành động bộc phát và thiếu hiểu biết pháp luật của L và các nhân viên của mình. L và nhân viên của mình chỉ muốn lấy tài sản của ông D2 đem về Công ty của mình giữ để gây áp lực chứ không có ý thức chiếm đoạt luôn vì thực tế những máy móc thiết bị này giá trị không lớn.

Nguyễn Thị Minh T khai: T là kế toán của Công ty Quang Lượng Phát đồng thời là em gái của Nguyễn Quang L. Tuy hợp đồng mua bán xe là giữa Công ty của ông D2 với công ty của Nguyễn Quang L nhưng thực tế T là người chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng. T đã chuyển tiền cho ông D2 760.000.000đ theo đúng hợp đồng, ông D2 nhận tiền nhưng không thực hiện đúng như thỏa thuận. T và L đã nhiều lần gặp ông D2, bà L1 để trao đổi bàn bạc, giải quyết, ông D2, bà L1 cũng cam kết nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện. Việc vi phạm hợp đồng, không thực hiện cam kết của ông D2, bà L1 đã làm cho Công ty Q gặp khó khăn trong kinh doanh, không có tiền trả lương cho nhân viên. Chính từ sự bức xúc này mà ngày 14/7/2022, T đã đến Văn phòng của ông D2 để gặp ông D2 yêu cầu trả lại tiền hoặc làm thủ tục giấy tờ xe theo hợp đồng và đã nói với ông D2 nếu không giải quyết trong ngày sẽ lấy tài sản đem về Công ty Q cất giữ, khi nào trả tiền sẽ trả lại. Ông D2, bà L1 không thực hiện, tiếp tục hẹn và sau đó bỏ đi nên gây thêm bức xúc cho T. Vì vậy, khi L và một số nhân viên đến T đã kể lại việc gặp ông D2, bà L1 và đã nói chuyện với ông D2, bà L1 nội dung trên cho mọi người nghe. T không kêu nhân viên của Công ty Q lấy tài sản nhưng khi thấy mọi người lên lầu 2, T sợ cửa cuốn đóng lại, mọi người sẽ bị nhốt lại nên T đã đến cúp điện và đứng canh giữ cho một số nhân viên tháo gỡ, lấy máy móc tại Văn phòng của ông D2. T nhận thấy việc giúp sức bằng việc cúp điện, đứng canh giữ cửa cho các nhân viên tháo gỡ, lấy máy móc thiết bị tại văn phòng của ông D2 là vi phạm pháp luật. Trước khi L và nhân viên Công ty Q đến, sau đó tháo gỡ, lấy tài sản của Văn Phòng ông D2, T không trao đổi, bàn bạc gì với L và các nhân viên mà đây chỉ là hành động bộc phát của mọi người vì bức xúc với việc vi phạm hợp đồng, cam kết của ông D2.

Tổng Hải Đ khai nhận: Đ là nhân viên Công ty Q. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 14/7/2022, Nguyễn Thị Minh T kêu lấy xe ô tô hiệu Hyundai Santafe biển số 51G – 151.36 của Công ty chở T đến Tòa án để hỏi thủ tục nộp đơn khởi kiện dân sự đối với ông D2 về việc ông D2 vi phạm hợp đồng mua bán xe với Công ty Q. Sau khi đến cổng Tòa án thì T không vào mà kêu Đ chở đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T tại địa chỉ số 55 Trần Quốc H, Phường I, quận K.

Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang ngồi trên xe ô tô dừng trước Văn phòng Công ty của ông D2, thấy ông D2 từ trong nhà mở cửa đi ra nên T và Đ đi vào. T gặp ông D2, bà L1 nói chuyện. Sau đó, Đ thấy ông D2, bà L1 bỏ đi. T và Đ ở lại Văn phòng khoảng 15 phút sau thì thấy Tổng Đăng H điều khiển xe ô tô biển số 51G – 285.41 chở L, D, D1, T1 và T2 đến. Tại đây, T đã kể lại cho L và mọi người nghe là đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền nhưng ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi. Việc T nói với L nội dung “đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền nhưng ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại

tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi” thì Đ và tất cả mọi người gồm L, H, D, D1, T1, T2 đều nghe. Đ không nghe T, L kêu H, D, D1, T1 và T2 vào các phòng lấy tài sản, nhưng khi thấy mọi người vào phòng tháo gỡ dây điện lấy tài sản thì Đ chủ động đứng ở dưới cảnh giới, đồng thời gọi điện, nhắn tin cho ông D2, bà L1 đến để giải quyết (nhưng không gọi điện được). Việc Đ đứng cảnh giới là do Đ chủ động thực hiện, không ai phân công, giao nhiệm vụ cho Đ, Đ cũng không trao đổi, bàn bạc gì với T, L, H, D, D1, T1 và T2.

Tổng Đăng Hiếu khai nhận: Chiều 14/7/2022, H đang làm việc tại Công ty thì Nguyễn Quang L kêu lấy xe ô tô biển số hiệu Ford Xplorer biển số 51G – 285.41 chở L đến Văn phòng ông D2 để giải quyết việc mua bán xe với ông D2. Khi H lấy xe ra thì thấy Nguyễn Hoàng D1, Nguyễn Khánh D, Bùi Thanh T1 và Lương Quốc T2 cùng nhảy lên xe. Khi đến nơi thì mọi người đi vào Văn phòng gặp T và Đ. T đã kể lại cho L và mọi người nghe là đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền nhưng ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi. Việc T nói với L nội dung “đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền nhưng ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi” thì H và tất cả mọi người gồm L, Đ, D, D1, T1 và T2 đều nghe. Sau khi nghe T kể lại sự việc và bức xúc việc ông D2 vi phạm hợp đồng làm cho Công ty Q gặp khó khăn, chậm trả lương cho nhân viên nên H đã đập cửa lên lầu 2 rồi cùng với D, D1, T1 và T2 vào các phòng lấy tài sản. Bản thân Hiếu tự tháo dây điện lấy một CPU máy tính rồi đem xuống chân cầu thang tầng trệt bỏ để chờ đem ra xe ô tô đem về Công ty Q. Việc H đập cửa rồi lên lầu 2 vào phòng tháo gỡ lấy một CPU là do H chủ động thực hiện, không ai phân công giao nhiệm vụ cho H, trước khi đập cửa lên lầu 2 vào phòng lấy CPU H cũng không trao đổi, bàn bạc gì với T, L, Đ, D, D1, T1 và T2.

Nguyễn Hoàng D1 khai: D1 là nhân viên của Công ty Q do Nguyễn Quang L làm giám đốc. Chiều ngày 14/7/2022, D1 đang làm việc ở Công ty thì nghe L nói đến Văn phòng ông D2 để giải quyết việc mua bán xe ô tô. Do trước đó D2 có nghe L và T nói ông D2 không thực hiện hợp đồng làm cho công ty khó khăn, không có tiền trả cho nhân viên, nên khi nghe L nói đến Văn phòng ông D2 để giải quyết việc hợp đồng thì D2 xin L cho đi theo và được L đồng ý. Khi đến nơi thì mọi người đi vào Công ty gặp T và Đ. T kể lại việc đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền nhưng ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi. Sau khi nghe T kể lại sự việc đồng thời cũng bức xúc trước việc do ông D2 mà Công ty chậm trả tiền lương nên D2 đã đi vào 1 phòng ở tầng trệt

tháo dây điện lấy một máy chiếu đem ra ngoài để ở chân cầu thang để chờ đem ra xe ô tô đem về Công ty Q. Việc D2 vào phòng tháo gỡ lấy một máy chiếu là do D2 chủ động thực hiện, không ai phân công, giao nhiệm vụ cho D2. Trước khi vào phòng lấy máy chiếu, D2 cũng không trao đổi, bàn bạc gì với T, L, Đ, H, D, T1 và T2.

Nguyễn Khánh D khai nhận: Duy là nhân viên của Công ty Q do Nguyễn Quang L làm giám đốc. Chiều ngày 14/7/2022, khi đang làm việc ở Công ty, Duy nghe L nói T và Đ đến Văn phòng ông D2 để giải quyết việc mua bán xe ô tô và L nói cũng sẽ đi đến để cùng T giải quyết. Do trước đó trong những lúc trò chuyện và qua tìm hiểu việc Công ty chậm trả lương là do ông D2 không thực hiện hợp đồng mua bán xe nên làm cho công ty khó khăn. Vì vậy khi thấy Hiếu lấy xe ra thì D xin L cho đi theo và được L đồng ý. Khi đến nơi thì mọi người đi vào Văn phòng gặp T và Đ. T kể lại cho mọi người nghe việc đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền, ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi. Sau khi nghe T kể lại sự việc đồng thời cũng bức xúc trước việc do ông D2 mà Công ty chậm trả tiền lương nên khi thấy H đạp cửa đi lên lầu 2 thì D cũng đi theo. Khi lên lầu 2, D đã đi vào trong phòng tháo dây điện lấy một máy in đem xuống để ở chân cầu thang để chờ đem ra xe ô tô đem về Công ty Q. Việc D vào phòng tháo gỡ lấy một máy in là do D chủ động thực hiện, không ai phân công giao nhiệm vụ cho D, trước khi vào phòng lấy máy in Duy cũng không trao đổi, bàn bạc gì với T, L, Đ, H, D1, T1 và T2.

Bùi Thanh T1 khai nhận: T1 là nhân viên của Công ty Q do Nguyễn Quang L làm giám đốc. Chiều ngày 14/7/2022, khi đang làm việc ở Công ty, T1 nghe L và mọi người nói T và Đ đến Văn phòng ông D2 để giải quyết việc mua bán xe ô tô, L nói cũng sẽ đi đến để cùng T giải quyết. Do trước đó có nghe L, T và mọi người nói Công ty chậm trả lương là do ông D2 không thực hiện hợp đồng mua bán xe nên làm cho công ty khó khăn. Vì vậy khi thấy L và mọi người đi thì T1 cũng xin L cho đi theo và được L đồng ý. Khi đến nơi thì mọi người đi vào Văn phòng gặp T và Đ. T kể lại cho mọi người nghe việc đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền, ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi. Sau khi nghe T kể lại sự việc và thấy mọi người đi lên lầu 2 thì T1 cũng đi theo. Tại lầu 2, T1 đã đi vào trong một căn phòng tháo dây điện lấy một CPU đem xuống để ở chân cầu thang để chờ đem ra xe ô tô đem về Công ty Q. Việc T1 vào phòng tháo gỡ lấy một CPU là do T1 chủ động thực hiện, không ai phân công, giao nhiệm vụ cho T1. Trước khi vào phòng lấy một CPU T cũng không trao đổi, bàn bạc gì với T, L, Đ, H, D, D1 và T2.

Lương Quốc T2 khai nhận: T2 là nhân viên của Công ty Q do Nguyễn Quang L làm giám đốc. Chiều ngày 14/7/2022, khi đang làm việc ở Công ty thì

thấy mọi người lên xe ô tô để đi giải quyết việc ông D2 không thực hiện hợp đồng mua bán xe nên T2 xin L cho đi theo và được L đồng ý. Khi đến nơi thì mọi người đi vào văn phòng gặp T và Đ. T kể lại cho mọi người nghe việc đã gặp vợ chồng ông D2 đòi lại tiền nhưng ông D2 không trả mà hẹn thêm một thời gian nữa nhưng T không đồng ý và có nói với ông D2 nếu không giải quyết ngay trong hôm nay thì sẽ lấy tài sản của Văn phòng đem về Công ty cất giữ, khi nào ông D2 trả lại tiền hoặc làm xong giấy tờ mua bán xe thì trả lại tài sản, nhưng ông D2 không trả lời và bỏ đi. Sau khi nghe T kể lại sự việc và thấy mọi người đi lên lầu 2 thì T2 cũng đi theo. Tại lầu 2, T2 đã đi vào một số căn phòng tháo dây điện lấy một CPU và một màn hình máy vi tính đem xuống để ở chân cầu thang để chờ đem ra xe ô tô đem về Công ty Q. Việc T2 vào phòng tháo gỡ lấy một CPU và một màn hình máy vi tính là do T2 chủ động thực hiện, không ai phân công, giao nhiệm vụ cho T2, trước khi vào phòng lấy một CPU và màn hình máy vi tính Thảo cũng không trao đổi, bàn bạc gì với T, L, Đ, H, D, D1 và T1.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quang L, Nguyễn Thị Minh T, Tống Hải Đ, Tống Đăng Hiếu, Nguyễn Hoàng D1, Nguyễn Khánh D, Bùi Thanh T1 và Lương Quốc T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Quá trình điều tra, ông Phùng Tiến D2 trình bày diễn biến vụ việc xảy ra phù hợp lời khai các bị can. Ông thừa nhận do đang gặp khó khăn trong kinh doanh, nên không thực hiện hợp đồng đúng hạn với bị can L, hẹn lại nhiều lần dẫn đến việc bị can L, T cùng 06 bị can khác bức xúc đến Văn phòng của ông để lấy tài sản như trên nêu trên. Ông bị đánh 01 cái vào miệng, ông không có hành vi ngăn cản việc lấy tài sản tại Văn phòng do khi ông quay về văn phòng thì tài sản đã để tại khu vực cửa ra vào. L và những người đi cùng không có sử dụng vũ lực với ông để lấy tài sản. Do không bị thương tích nên ông không yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Quang L và các bị can còn lại.

Bà Phan Thị L1 là vợ của ông D2 khai nhận phù hợp như nêu trên. Khi về đến Văn phòng, bà nhìn thấy các tài sản nêu trên đã bị lấy xong nên hỏi lý do L lấy tài sản thì bà nghe L cho biết “để buộc ông D2 phải trả lại tiền mua xe”. Bà L nói không có tiền trả, hẹn lại 10 ngày sau sẽ đưa Giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng L không đồng ý dẫn đến việc L bức tức dùng tay đánh bà L và xảy ra giằng co như nêu trên. Bà L1 không có hành vi ngăn cản việc lấy tài sản và các bị can không sử dụng vũ lực với bà để lấy tài sản. Bà L1 yêu cầu xử lý đối với L về hành vi “dùng tay đánh bà”.

Anh Phùng Tiến Đ1 khai nhận phù hợp như nêu trên. Khi đi xuống tầng trệt để khóa cửa, anh nhìn thấy có người tháo gỡ dây điện máy chiếu, không hiểu sự việc nên anh hỏi thì bị can T trả lời đến gặp ông D2 đòi tiền nhưng ông D2 không trả tiền nên lấy tài sản. Anh Đ1 lấy điện thoại di động mục đích quay phim thì bị ngăn cản không cho quay nên xảy ra tranh cãi và bị L dùng tay đánh 01 cái vào mặt, H cũng dùng tay đánh 01 cái vào mặt, anh Đ1 bỏ đi lên lầu 2. Anh không có hành vi liên quan việc ngăn cản các bị can lấy tài sản. L, H và 06 bị can khác không sử dụng vũ lực với anh Đ1 nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Khi bà L

bị L đánh, anh Đ1 có can ngăn. Anh Đ1 không yêu cầu xử lý L và H về hành vi dùng tay đánh anh.

Đối với hành vi gây thương tích cho bà Phan Thị L1, bà L1 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với các đối tượng gây thương tích cho bà. Tuy nhiên, ngày 17/8/2022, Trung tâm Pháp Y Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định pháp y về thương tích số 670/TgT.22 đối với bà Phan Thị L1 kết luận “Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 00%”, nên hành vi của các đối tượng không cấu thành tội phạm. Căn cứ kết quả giám định, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý Nguyễn Quang L về hành vi cố ý gây Tạng tích, Cơ quan điều tra đã thông báo cho bà L1 biết. Bà L1 đồng ý kết quả trên, không yêu cầu bồi Tồng cũng như không thắc mắc khiếu nại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty Cổ phần T do ông Phùng Tiến D2, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đồng ý kết quả định giá tài sản trên, đã nhận lại các tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Vật chứng vụ án:

- 01 đĩa DVD ghi âm ghi hình lời khai của 08 bị can (lưu kèm hồ sơ vụ án).

- Tài sản chiếm đoạt: 01 máy chiếu nhãn hiệu Epson màu trắng, đã qua sử dụng, trị giá 4.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, thông số 00331-10000-0001-AA267, ram 8.00GB, đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, thông số 00331-10000-0001-AA537, ram 8.00GB, đã qua sử dụng; trị giá là 2.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Dell, thông số 00371-OEM-8992671-0052, ram 4.00GB, đã qua sử dụng, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy in màu trắng nhãn hiệu Canon Lbp 2900 màu trắng, đã qua sử dụng, trị giá 2.000.000 đồng; 01 màn hình màu đen nhãn hiệu Dell, tên màn hình Dell E1916HV, kích thước 16 inch, đã qua sử dụng, trị giá là 1.000.000 đồng. Tổng trị giá là 14.500.000 đồng. Cơ quan công an đã trả lại cho bị hại Công ty Cổ phần T.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu vàng thu giữ của Nguyễn Thị Minh T. T sử dụng nhắn tin và nhận cuộc gọi điện của Nguyễn Quang L liên quan vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu rằn ri và 01 quần vải ống dài màu xanh rêu rằn ri thu giữ của Nguyễn Quang L sử dụng điện thoại nhắn tin và nhận cuộc gọi điện của bị can Nguyễn Thị Minh T, liên quan vụ án.

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu đen thu giữ của Nguyễn Hoàng D1.

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng, thu giữ của Tổng Hải Đ. Đ sử dụng gọi cho ông Phùng Tiến D2 và nhắn tin tài khoản Zalo của bà Phan Thị L1 để nói Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T trả nợ.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 11 màu đen thu giữ của Tổng Đăng H.

- 01 gậy ba khúc màu đen dài khoảng 60cm; 01 ống sắt dài 60cm, 01 ống sắt dài 50cm, 01 ống sắt dài 40cm, 03 bình xịt sơn, bị can Tổng Đăng H khai nhận các đồ vật có sẵn trên xe ô tô hiệu Ford Xplorer biển số 51G-285.41 khi nhận bàn giao từ chủ xe là các dụng cụ liên quan sửa xe, khi điều khiển xe ô tô đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T, Hiếu lấy 01 cây gậy 03 khúc giấu vào trong người mục đích để tự vệ nhưng không sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng thu giữ của Nguyễn Khánh D.

- 01 xe ô tô hiệu Huyndai Santafe biển số 51G-151.36 của Công ty TNHH thương mại xây dựng V đứng tên sở hữu, gửi xe ô tô nhờ L bán giúp, L giao cho Đ điều khiển xe chở T đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T đòi tiền, Công ty TNHH Thương mại xây dựng V không biết, trả lại xe cho Công ty.

- 01 xe ô tô hiệu Ford Xplorer biển số 51G-285.41, số máy HGA90096, số khung 8FH0HGA90096, chủ sở hữu là bà Đỗ Thị M, bà M ký ủy quyền gửi cho L bán giúp. L giao cho H điều khiển đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T đòi tiền, bà M không biết, đã trả lại xe cho bà M.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1174; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1203 màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1203 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1030 màu xám thu giữ của Nguyễn hoàng D1, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng thu giữ của Nguyễn Khánh D, 01 điện thoại di động hiệu Galaxy J7 Pro màu vàng thu giữ của bị cáo Bùi Thanh T1 và 01 điện thoại di động hiệu Galaxy S7 Edge màu vàng thu giữ của Lương Quốc T2. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị can.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 07 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quang L, Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Hoàng D1, Tổng Đăng H, Tổng Hải Đ, Lương Quốc T2, Nguyễn Khánh D và Bùi Thanh T1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời khai của các bị cáo, bị hại thì hành vi lấy số tài sản gồm: 01 máy chiếu nhãn hiệu Epson màu trắng, trị giá 4.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, thông số 00331-10000-0001-AA267, ram 8.00GB, trị giá 2.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, thông số 00331-10000-0001-AA537, ram 8.00GB, trị giá là 2.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Dell, thông số 00371-OEM-8992671-0052, ram 4.00GB, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy in màu trắng nhãn hiệu Canon Lbp 2900 màu trắng, trị giá 2.000.000 đồng; 01 màn hình màu đen nhãn hiệu Dell, tên màn hình Dell E1916HV, kích thước 16 inch, trị giá là 1.000.000 đồng (tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 14.500.000 đồng)

của Công ty Cổ phần T do ông Phùng Tiến D2 là người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Quang L, Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Hoàng D1, Tống Đăng H, Tống Hải Đ, Lương Quốc T2, Nguyễn Khánh D và Bùi Thanh T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Mặc dù không có sự bàn bạc, tổ chức chỉ hành động bộc phát, bức xúc trước việc vi phạm hợp đồng, vi phạm cam kết của bị hại nhưng hành vi kéo theo số lượng người đồng, dùng lời nói, hành động, thủ đoạn uy hiếp tinh thần để tháo gỡ tài sản trong văn phòng của bị hại mang đi của các bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, các bị cáo phạm tội do cố ý. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Quang L và Nguyễn Thị Minh T là những người phải chịu trách nhiệm chính, chính từ những lời lẽ khơi mào và đề xuất lấy tài sản để gây áp lực, những hành động cãi vã, xô xát với phía bị hại và người nhà của bị hại của bị cáo L; hành động cúp điện, cảnh giới của bị cáo T đã tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo mức án phù hợp với tính chất vai trò của các bị cáo; các bị cáo Tống Hải Đ, Tống Đăng H, Nguyễn Hoàng D1, Nguyễn Khánh D, Bùi Thanh T1 và Lương Quốc T2 tham gia với vai trò giúp sức là những người cảnh giới và trực tiếp lấy tài sản nên cũng cần xử phạt mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại cũng có lỗi một phần, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, không thuộc trường hợp không được cho hưởng án treo. Từ căn cứ trên, đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 170 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo: Nguyễn Quang L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm; Nguyễn Thị Minh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm; Nguyễn Hoàng D1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; Tống Đăng H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; Tống Hải Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; Lương Quốc T2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; Nguyễn Khánh D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; Bùi Thanh T1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Công ty Cổ phần T do ông Phùng Tiến D2 (Tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của Công

ty đã nhận lại các tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm. Hiện nay không có yêu cầu, thắc mắc khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 đĩa DVD ghi âm ghi hình lời khai của 08 bị cáo (lưu cùng hồ sơ) là chứng cứ của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu lưu giữ cùng với hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 máy chiếu nhãn hiệu Epson màu trắng, đã qua sử dụng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, đã qua sử dụng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Dell, đã qua sử dụng; 01 máy in màu trắng nhãn hiệu Canon Lbp 2900 màu trắng, đã qua sử dụng; 01 màn hình màu đen nhãn hiệu Dell, tên màn hình Dell E1916HV, kích Tớc 16 inch, đã qua sử dụng là tài sản bị chiếm đoạt, đã trả lại người bị hại Công ty Cổ phần T. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Minh T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang L, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng thu giữ của bị cáo Tống Hải Đ, xét thấy các bị cáo dùng các điện thoại trên vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 11 màu đen thu giữ của bị cáo Tống Đăng H, xét thấy đây là tài sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Hiếu.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng D1. Xét thấy đây là tài sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo D1.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Khánh D. Xét thấy đây là tài sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo D như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1174; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1203 màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1203 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1030 màu xám thu giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng D1, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Khánh D, 01 điện thoại di động hiệu Galaxy J7 Pro màu vàng thu giữ của bị cáo Bùi Thanh T1 và 01 điện thoại di động hiệu Galaxy S7 Edge màu vàng thu giữ của bị cáo Lương Quốc T2. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với 01 gậy ba khúc màu đen dài khoảng 60cm, 03 ống sắt, 03 bình xịt sơn thu giữ trên xe ô tô, xét thấy đây là những vật không có giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu rằn ri và 01 quần vải ống dài màu xanh rêu rằn ri thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang L, xét thấy đây là những vật không có giá trị và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 xe ô tô hiệu Hyundai Santafe biển số 51G-151.36 của Công ty TNHH thương mại xây dựng V đứng tên sở hữu, gửi xe ô tô nhờ bị cáo L bán giúp, bị cáo L giao cho bị cáo Đ điều khiển xe chở bị cáo T đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T để gặp ông D2 đòi tiền và sau đó bị cáo T có hành vi phạm tội, Công ty TNHH Thương mại xây dựng V không biết, nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe cho Công ty V. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với 01 xe ô tô hiệu Ford Xplorer biển số 51G-285.41, số máy HGA90096, số khung 8FH0HGA90096, chủ sở hữu của bà Đỗ Thị M, bà M ký ủy quyền gửi cho bị cáo L bán giúp. Bị cáo L giao cho bị cáo H điều khiển chở bị cáo L đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T sau đó bị cáo L và các nhân viên có hành vi phạm tội, bà M không biết nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe cho bà M. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh, điều kiện, lý do mà các bị cáo đã phạm tội để có bản án phù hợp, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình và làm ăn phụ giúp cho gia đình và sống có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ được Công an quận Tân Bình lập, thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định tạm giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Quang L, Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Hoàng D1, Tống Đăng H, Tống Hải Đ, Lương Quốc T2, Nguyễn Khánh D và Bùi Thanh T1 về hành vi cưỡng đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến

tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo, bị hại thì hành vi lấy số tài sản gồm: 01 máy chiếu nhãn hiệu Epson màu trắng, trị giá 4.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, thông số 00331-10000-0001-AA267, ram 8.00GB, trị giá 2.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, thông số 00331-10000-0001-AA537, ram 8.00GB, trị giá là 2.500.000 đồng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Dell, thông số 00371-OEM-8992671-0052, ram 4.00GB, trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy in màu trắng nhãn hiệu Canon Lbp 2900 màu trắng, trị giá 2.000.000 đồng; 01 màn hình màu đen nhãn hiệu Dell, tên màn hình Dell E1916HV, kích Tớc 16 inch, trị giá là 1.000.000 đồng (tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 14.500.000 đồng) của Công ty Cổ phần T do ông Phùng Tiến D2 là người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Quang L, Nguyễn Hoàng D1, Tống Đăng H, Tống Hải Đ, Lương Quốc T2, Nguyễn Khánh D và Bùi Thanh T1 là hành vi vi phạm pháp luật, các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời qua phần phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm cơ sở chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt các bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Chỉ vì thiếu hiểu biết pháp luật, muốn tạo áp lực để bị hại sớm trả lại tiền hoặc thực hiện cam kết làm thủ tục giấy tờ mua bán xe mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội do cố ý, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương. Tuy các bị cáo phạm tội không có tổ chức, chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, nhưng trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Quang L và bị cáo Nguyễn Thị Minh T là những người có vai trò chính, chính từ những lời lẽ khơi mào và đề xuất lấy tài sản để gây áp lực, những hành động cãi vã, xô xát với phía bị hại và người nhà của bị hại của bị cáo L; hành động cúp điện, cảnh giới của bị cáo T đã tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo mức án phù hợp với tính chất vai trò của các bị cáo; các bị cáo Tống Hải Đ, Tống Đăng H, Nguyễn Hoàng D1, Nguyễn Khánh D, Bùi Thanh T1, Lương Quốc T2 tham gia với vai trò giúp sức là những người đứng cảnh giới, trực tiếp lấy tài sản nên cũng cần xử phạt mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị

cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại, theo xác minh của Cơ quan điều tra thì do hành vi phạm tội xảy ra trong khuôn viên nhà nên không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, Bị hại có lỗi một phần, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, không thuộc trường hợp không được cho hưởng án treo.

Việc đại diện viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 170 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Công ty Cổ phần T do ông Phùng Tiến D2 (Tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã nhận lại các tài sản và không yêu cầu bồi Tòng thiệt hại gì thêm. Hiện nay không có yêu cầu, thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 đĩa DVD ghi âm ghi hình lời khai của 08 bị cáo (lưu cùng hồ sơ) là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử tịch thu gia cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu giữ cùng với hồ sơ vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 máy chiếu nhãn hiệu Epson màu trắng, đã qua sử dụng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, đã qua sử dụng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Deluxe, đã qua sử dụng; 01 CPU màu đen nhãn hiệu Dell, đã qua sử dụng; 01 máy in màu trắng nhãn hiệu Canon Lbp 2900 màu trắng, đã qua sử dụng; 01 màn hình màu đen nhãn hiệu Dell, tên màn hình Dell E1916HV, kích Tớc 16 inch, đã qua sử dụng là tài sản bị chiếm đoạt, đã trả lại người bị hại Công ty Cổ phần T. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Minh T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang L, 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng thu giữ của bị cáo Tống Hải Đ, xét thấy các bị cáo dùng các điện thoại trên vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 11 màu đen thu giữ của bị cáo Tống Đăng H, xét thấy đây là tài sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Hiếu như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu đen thu giữ của bị cáo D1. Xét thấy đây là tài sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo D1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng thu giữ của bị cáo Nguyễn Khánh D. Xét thấy đây là tài sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo D như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1174; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1203 màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1203 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA 1030 màu xám thu giữ của Nguyễn Hoàng D1, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng thu giữ của Nguyễn Khánh D, 01 điện thoại di động hiệu Galaxy J7 Pro màu vàng thu giữ của bị cáo Bùi Thanh T1 và 01 điện thoại di động hiệu Galaxy S7 Edge màu vàng thu giữ của Lương Quốc T2. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 gậy ba khúc màu đen dài khoảng 60cm; 03 ống sắt, 03 bình xịt sơn thu giữ trên xe ô tô, xét thấy đây là những vật không có giá trị nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu rằn ri và 01 quần vải ống dài màu xanh rêu rằn ri thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang L, xét thấy đây là những vật không có giá trị và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Galaxy J7 Pro màu vàng thu giữ của bị cáo Bùi Thanh T1, đây là tài sản cá nhân không liên quan vụ án, đã trả lại cho bị cáo T1. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Galaxy S7 Edge màu vàng thu giữ của Lương Quốc T2, đây là tài sản cá nhân không liên quan vụ án, đã trả lại cho bị cáo T2. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 xe ô tô hiệu Hyundai Santafe biển số 51G-151.36 của Công ty TNHH Thương mại xây dựng V đứng tên sở hữu, gửi xe ô tô nhờ bị cáo L bán giúp, bị cáo L giao cho bị cáo Đ điều khiển xe chở bị cáo T đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T để gặp ông D2 đòi tiền và sau đó bị cáo T có hành vi phạm tội, Công ty TNHH Thương mại xây dựng V không biết, nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe cho Công ty V. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 xe ô tô hiệu Ford Xplorer biển số 51G-285.41, số máy HGA90096, số khung 8FH0HGA90096, chủ sở hữu của bà Đỗ Thị M, bà M ký ủy quyền gửi cho bị cáo L bán giúp. Bị cáo L giao cho bị cáo H điều khiển chở L đến Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần T sau đó bị cáo L và các nhân viên có hành vi phạm tội, bà M không biết nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe cho bà M. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Quang L, Nguyễn Hoàng D1, Tống Đăng H, Tống Hải Đ, Lương Quốc T2, Nguyễn Khánh D và Bùi Thanh T1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

[2] - Xử phạt:

1. Bị cáo: NGUYỄN QUANG L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Quang L cho Ủy ban nhân dân Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Bị cáo: NGUYỄN THỊ MINH T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Minh T cho Ủy ban nhân dân Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Bị cáo: TỐNG HẢI Đ 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Tổng Hải Đ cho Ủy ban nhân dân Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

4. Bị cáo: TÔNG ĐĂNG HIẾU 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Tông Đăng Hiếu cho Ủy ban nhân dân Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Bị cáo: BÙI THANH T1 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thanh T cho Ủy ban nhân dân Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

6. Bị cáo: LƯƠNG QUỐC T2 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lương Quốc T2 cho Ủy ban nhân dân Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

7. Bị cáo: NGUYỄN KHÁNH D 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Khánh D cho Ủy ban nhân dân Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

8. Bị cáo: NGUYỄN HOÀNG D1 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng D1 cho Ủy ban nhân dân Phường II, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi âm ghi hình lời khai của 08 bị cáo.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu rằn ri, 01 quần vải ống dài màu xanh rêu rằn ri, 01 gậy ba khúc màu đen dài khoảng 60cm, 01 ống sắt dài 60cm, 01 ống sắt dài 50cm, 01 ống sắt dài 40cm và 03 bình xịt sơn. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu vàng, số imei 353898102958287; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh, số imei 3547 4166 1245 937 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng, số imei 3572 8909 233 8811. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

- Trả lại cho bị cáo NGUYỄN HOÀNG D1 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu đen, số imei 3538941068004528. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

- Trả lại cho bị cáo TÔNG ĐĂNG H 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 11 màu đen, số imei 8676 5406 5828 200. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

- Trả lại cho bị cáo NGUYỄN KHÁNH D 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, số imei: 354842092889150. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

[4] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trí

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 01 tháng 12 năm 2022,

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tuân

Ông Vũ Trung Kiên

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 106/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

- NGUYỄN QUANG L, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1981, tại Phú Yên;
- NGUYỄN THỊ MINH T, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1985, tại Phú Yên;
- NGUYỄN KHÁNH D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998, tại Bạc Liêu;
- TÔNG HẢI Đ, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1997, tại Sóc Trăng;
- TÔNG Đ H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2001, tại Sóc Trăng;
- BÙI THANH T1, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1994, tại Bắc Kạn;

Huê: - LƯƠNG QUỐC T2, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1998, tại Thừa Thiên

- NGUYỄN HOÀNG D1, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1995, tại Hậu Giang;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T2 LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Sau khi thảo luận, nghị án, chủ tọa phiên tòa và thành viên Hội đồng xét xử thống nhất, biểu quyết quyết định:

[1] Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng đều phù hợp, đúng thủ tục, trình tự, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự - Kết quả biểu quyết 3/3.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án - Kết quả biểu quyết: 3/3.

[3] Xử phạt:

1. Bị cáo NGUYỄN QUANG L tù về tội
“Cuồng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Quang L cho Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Bị cáo : NGUYỄN THỊ MINH T từ về tội
“Cuồng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Minh T cho Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Bị cáo : TÔNG HẢI Đ
tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Tống Hải Đ cho Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Bị cáo : TỐNG Đ HIẾU tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Tống Đ Hiếu cho Ủy ban nhân dân phường 8 quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Bị cáo: BÙI THANH T1 tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Bùi Thanh Tùng cho Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Bị cáo : LƯƠNG QUỐC T2 tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lương Quốc Thảo cho Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

7. Bị cáo: NGUYỄN KHÁNH D tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Khánh Duy cho Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

8. Bị cáo: NGUYỄN HOÀNG DƯ' tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Hoàng Dư cho Ủy ban nhân dân Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi âm ghi hình lời khai của 08 bị cáo. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay màu xanh rêu rằn ri, 01 quần vải ống dài màu xanh rêu rằn ri, 01 gậy ba khúc màu đen dài khoảng 60cm, 01 ống sắt dài 60cm, 01 ống sắt dài 50cm, 01 ống sắt dài 40cm và 03 bình xịt sơn. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình). - Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu vàng, số imei 353898102958287; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh, số imei 3547 4166 1245 937 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng, số imei 3572 8909 233 8811. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình). - Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Trả lại cho bị cáo NGUYỄN HOÀNG D1 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro max màu đen, số imei 3538941068004528. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình). - Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Trả lại cho bị cáo TÔNG Đ H 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 11 màu đen, số imei 8676 5406 5828 200. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình). - Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Trả lại cho bị cáo NGUYỄN KHÁNH D 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, số imei: 354842092889150. (Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 109/BB/2022 ngày 25/11/2022 giữa Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình). - Kết quả biểu quyết: 3/3.

[5] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm. - Kết quả biểu quyết: 3/3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015). Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) - Kết quả biểu quyết: 3/3

[6] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện phù hợp, đúng thủ tục, trình tự, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự - Kết quả biểu quyết: 3/3.

[7] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ - Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA